

31

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Kỹ thuật lạnh ứng dụng (22803205)

Ngày thi: 09/11/2023

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: A503

Số SV có mặt: 10

Số bài thi: 10

Số tờ giấy thi: 10

Nguyễn Văn Tuấn *Nguyễn Văn Tuấn* *Nguyễn Văn Tuấn* *Nguyễn Văn Tuấn*
Nguyễn Văn Tuấn *Nguyễn Văn Tuấn* *Nguyễn Văn Tuấn* *Nguyễn Văn Tuấn*

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2122180120	Nguyễn Đình Cường	16/03/2004	CCQ2218LA	1	<i>[Signature]</i>	8.5	9	8.8
2	2122180108	Nguyễn Tiến Đạt	16/12/2003	CCQ2218LA	1	<i>[Signature]</i>	8.0	8.2	8.1
3	2122180107	Nguyễn Anh Gun	26/07/2003	CCQ2218LA	1	<i>[Signature]</i>	7.3	8.9	8.1
4	2122180087	Nguyễn Vũ Hà	08/02/2004	CCQ2218LA	1	<i>[Signature]</i>	7.3	7.2	7.3
5	2122180112	Nguyễn Hữu Hội	16/10/2003	CCQ2218LA	1	<i>[Signature]</i>	7.3	8.9	8.1
6	2122180121	Nguyễn Đình Lai	14/02/2004	CCQ2218LA	1	<i>[Signature]</i>	7.7	9	8.4
7	2122180105	Hồng Tuấn Lộc	01/05/2004	CCQ2218LA	1	<i>[Signature]</i>	8.5	8.9	8.7
8	2122180050	Vũ Bắc Trung Nam	03/05/2004	CCQ2218LA	1	<i>[Signature]</i>	8.0	5.4	6.7
9	2122180109	Đinh Huy Phước	10/03/2003	CCQ2218LA	1	<i>[Signature]</i>	7.3	8.4	7.9
10	2122180104	Nguyễn Ngọc Tư	27/11/2003	CCQ2218LA	1	<i>[Signature]</i>	8.3	9	8.7

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Con My *Ngô Phương* *TTK chi* *N.Đức Nhân*

Môn học: Kỹ thuật lạnh ứng dụng (22803206)

Ngày thi: 09/11/2023

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: A503

Số SV có mặt: 26

Số bài thi: 26

Số tờ giấy thi: 26

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2122180068	Nguyễn Thái Bảo	26/02/2004	CCQ2218B	1	Bảo	7,0	9	8,0
2	2122180006	Cao Ngọc Cường	21/04/2003	CCQ2218A	1	Cao	8,3	8,8	8,6
3	2122180027	Nguyễn Ngọc Đại	02/07/2004	CCQ2218A	1	Đại	6,0	8,9	7,5
4	2122180057	Võ Trương Đông	01/01/2004	CCQ2218B	1	Đông	8,7	8,5	8,6
5	2122180051	Nguyễn Tùng Dương	20/11/2004	CCQ2218B	1	Dương	7,3	8,8	8,1
6	2122180047	Phan Phú Gia	26/12/2002	CCQ2218B	1	Gia	8,7	9	8,9
7	2122180052	Trần Văn Giang	08/03/2004	CCQ2218B	1	Giang	7,7	8,7	8,2
8	2122180021	Lê Hoàng Phúc Hậu	19/03/2004	CCQ2218A	1	Hậu	7,3	8,3	7,8
9	2122180008	Nguyễn Xuân Hiệp	09/07/2004	CCQ2218A	1	Hiệp	7,0	9	8,0
10	2122180061	Lê Duy Hòa	04/02/2004	CCQ2218B			0,0		
11	2122180016	Huỳnh Bảo Hưng	17/09/2004	CCQ2218A	1	Hưng	8,0	8,4	8,2
12	2122180065	Nguyễn Nhật Huy	26/11/2003	CCQ2218B	1	Huy	7,7	8,9	8,3
13	2122180020	Nguyễn Huỳnh	10/05/2004	CCQ2218A	1	Huỳnh	7,0	8,2	7,6
14	2122180034	Nguyễn Thái Khênh	29/08/2003	CCQ2218A	1	Khênh	7,3	9	8,2
15	2122180040	Phạm Đăng Khoa	23/06/2004	CCQ2218B			0,0		
16	2122180041	Nguyễn Hoàng Khôi	08/03/2004	CCQ2218B	1	Khôi	8,3	9	8,7
17	2122180062	Nguyễn Hữu Kiên	09/11/2003	CCQ2218B	1	Kiên	7,3	8,5	7,9
18	2122180042	Nguyễn Huỳnh Tuấn Kiệt	23/03/2004	CCQ2218B	1	Kiệt	7,3	8,5	7,9
19	2122180012	Phạm Minh Kiệt	01/06/2004	CCQ2218A	1	Kiệt	8,0	8,4	8,2
20	2122180060	Trần Quốc Kiệt	07/12/2004	CCQ2218B	1	Kiệt	7,3	8,3	7,8
21	2122180004	Nguyễn Khánh Linh	03/07/2004	CCQ2218A	1	Linh	7,0	8,5	7,8
22	2122180007	Đinh Nguyễn Thành Long	10/11/2004	CCQ2218A	1	Long	5,7	6,5	6,1
23	2122180067	Võ Thành Luân	29/03/2004	CCQ2218B			0,0		
24	2122180024	Ngô Hoài Nam	23/06/2004	CCQ2218A			0,0		
25	2122180002	Nguyễn Phương Nam	18/06/2003	CCQ2218A	1	Nam	8,7	8,8	8,8
26	2122180054	Trần Văn Nam	03/08/2004	CCQ2218B	1	Nam	8,0	8,8	8,4
27	2122180053	Nguyễn Tấn Nghĩa	18/12/2003	CCQ2218B	1	Nghĩa	7,3	8,5	7,9
28	2122180013	Nguyễn Văn Nghĩa	27/05/2004	CCQ2218A	1	Nghĩa	7,7	8,5	8,1

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Kỹ thuật lạnh ứng dụng (22803206)

Ngày thi: 09/11/2023

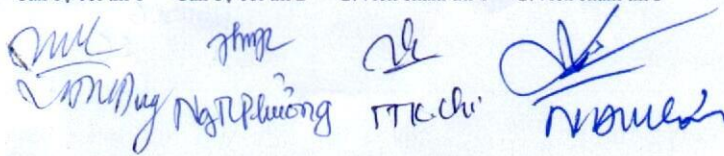
Giờ thi: 14g45

Phòng thi: A503

Số SV có mặt: 26

Số bài thi: 26

Số tờ giấy thi: 26



STT	Mã SV	Họ và Tên	Nhật	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
29	2122180043	Văn Thanh	Nhật	24/01/2004	CCQ2218B	1	Nhật	7,3	9	8,2
30	2122180037	Phạm Văn	Nhơn	05/11/2004	CCQ2218B	1	Nhơn	8,3	8,5	8,4

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Kỹ thuật lạnh ứng dụng (22803206)

Ngày thi: 09/11/2023

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: A505

Số SV có mặt: 26.

Số bài thi: ...26...

Số tờ giấy thi: 26.

(Handwritten signatures and names of examiners and supervisors)

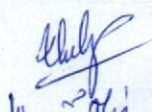
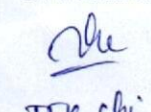
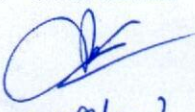
STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2122180025	Nguyễn Trung	Nhuận	08/12/2004	CCQ2218A	1 Nhuận	8,3	9,0	8,7
2	2122180003	Nguyễn Minh	Nhật	28/10/2004	CCQ2218A	1 Nhật	8,3	8,5	8,4
3	2122180028	Nguyễn Dương Tấn	Phát	05/02/2004	CCQ2218A	1 Phát	7,7	8,5	8,1
4	2122180032	Thái Đức	Phong	09/04/2004	CCQ2218A	1 Phong	6,7	8,0	7,4
5	2122180014	Trần Thanh	Phong	17/03/2004	CCQ2218A	1 pho	8,3	9,0	8,7
6	2122180044	Huỳnh Nhật	Quang	10/08/2004	CCQ2218B	1 Quang	7,3	9	8,2
7	2122180009	Phạm Tấn	Sinh	15/07/2004	CCQ2218A	1 Sinh	7,3	8,5	7,9
8	2122180001	Phạm Huỳnh Nhật	Tân	15/10/2000	CCQ2218A	1 Tân	7,0	9	8,0
9	2122180019	Võ Quang	Thắng	10/04/2004	CCQ2218A		0,0		
10	2122180031	Lê Thanh	Thế	22/02/2004	CCQ2218A	1 Thế	7,3	8,5	7,9
11	2122180066	Trương Văn	Thế	27/01/2004	CCQ2218B	1 Thế	7,3	8,5	7,9
12	2122180048	Võ Văn	Thiên	12/08/2004	CCQ2218B	1 Thiên	8,0	9	8,5
13	2122180064	Bùi Ngọc	Thiện	04/10/2004	CCQ2218B	1 Thuy	8,3	9	8,7
14	2122180046	Nguyễn Văn	Thiệt	13/11/2004	CCQ2218B	1 Thuy	8,0	8,5	8,3
15	2122180056	Nguyễn Văn	Tiến	06/09/2003	CCQ2218B	1 Tiến	8,7	8,5	8,6
16	2122180035	Phạm Đình	Tiến	30/03/2004	CCQ2218B	1 Tiến	7,3	9	8,2
17	2122180039	Trần Văn	Tiến	05/11/2004	CCQ2218B	1 Tiến	7,0	9	8,0
18	2122180049	Lê Văn	Tính	29/12/2004	CCQ2218B	1 Tính	7,0	9	8,0
19	2122180063	Trần Quốc	Tính	17/08/2004	CCQ2218B	1 Tính	7,7	8,0	7,9
20	2122180030	Huỳnh Minh	Toàn	20/10/2004	CCQ2218A	1 Tq	8,3	9	8,7
21	2122180015	Châu Minh	Tri	25/08/2004	CCQ2218A		0,0		
22	2122180055	Nguyễn Tấn	Trung	16/07/2004	CCQ2218B	1 Trung	7,7	8,5	8,1
23	2122180023	Nguyễn Quốc	Trương	21/01/2004	CCQ2218A		0,0		
24	2122180010	Hà Hữu	Truyền	13/05/2002	CCQ2218A	1 Truyền	7,7	8,5	8,1
25	2122180022	Nguyễn Hoàng	Tú	26/02/2004	CCQ2218A	1 Tú	7,3	8,0	7,7
26	2122180059	Báo Văn Anh	Tuấn	22/06/2004	CCQ2218B	1 Tuấn	8,3	8,5	8,4
27	2122180017	Nguyễn Ngọc	Tường	11/09/2004	CCQ2218A		6,0		
28	2122180018	Nguyễn Nghi	Văn	06/04/2004	CCQ2218A	1 Văn	7,3	9	8,2

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
Học kỳ 1 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Kỹ thuật lạnh ứng dụng (22803206)
Ngày thi: 09/11/2023
Giờ thi: 14g45
Phòng thi: A505

Số SV có mặt: 26
Số bài thi: ... 26..
Số tờ giấy thi: 26





TKK. chi
Nguyễn Thị
Thị Lương

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
29	2122180033	Nguyễn Thành	Vạn	19/02/2004	CCQ2218A	1	Vạn	7.7	9	8.4
30	2122180058	Lê Hùng	Vương	12/08/2004	CCQ2218B	1	Hùng	7.3	8.5	7.9